

Số: 06 /QĐ-THS1TG

Tuần Giáo, ngày 24 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai bổ sung giao dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 (đợt 2) của trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo

Căn cứ Luật ngân sách số 89/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tuần Giáo về việc giao bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 (đợt 2) ;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 (đợt 2) của Trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo (chi tiết như biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 24/8/2026 đến 23/9/2026 và công bố tại cuộc họp hội đồng nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 Tuần Giáo và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Hoà

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ-THSITG ngày 24/8/2026 của Trường TH số 1 Tuần Giáo)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí...	
	Phí...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	

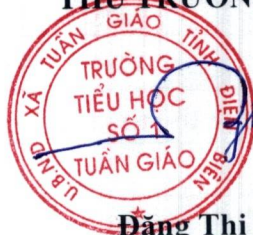
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	286.745.000
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	267.241.000
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	19.504.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	

2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Tuần Giáo, Ngày 24 tháng 08 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đặng Thị Hoà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TUẦN GIÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 845 /QĐ-UBND

Tuần Giáo, ngày 22 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 (đợt 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 66/2026/TT-BTC ngày 16/6/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh Điện Biên bổ sung dự toán kinh phí năm 2026 cho các xã để thực hiện chế trợ cấp lần đầu, trợ cấp một lần theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 của UBND tỉnh Điện Biên bổ sung kinh phí năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị và các xã, phường để thực hiện chính sách cải cách tiền lương (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã Tuần Giáo chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 229/TTr-PKT ngày 21/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 (đợt 2) với nội dung như sau:

1. Tổng kinh phí bổ sung: 5.275.631.890 đồng (Năm tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi một nghìn tám trăm chín mươi đồng).

2. Nguồn kinh phí

- Từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 của UBND tỉnh Điện Biên: **4.945.000.000 đồng.**

- Từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh Điện Biên: **79.693.890 đồng.**

- Từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách năm 2025 chuyển sang năm 2026 tại Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND xã Tuần Giáo: **250.938.000 đồng.**

(Chi tiết như Biểu kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 được giao bổ sung kinh phí chịu trách nhiệm:

- Về đối tượng, số liệu, hồ sơ đề xuất đảm bảo đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí được bổ sung bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.
- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (qua phòng Kinh tế) trước ngày 15/11/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng giao dịch số 5; Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Quảng Văn Cường

BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2026 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 845 /QĐ-UBND ngày 22 /8/2026 của UBND xã Tuấn Giáo)

Số TT	Đơn vị	Khoản	Tổng số kinh phí bổ sung đợt này	Trợ cấp tăng thêm của cán bộ xã nghỉ việc (nguồn 12)	Quỹ tiền thưởng (nguồn 18)	Tổng số bổ sung (nguồn 13)	Trong đó:			Phụ cấp HĐND, khác
							Quỹ tiền lương, phụ cấp	Nghị định 182/2026/NĐ-CP	Nghị định 76/2019/NĐ-CP (trợ cấp 1 lần)	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7=8+9+10+11	8	9	10	11
	Tổng số		5.275.631.890	5.553.000	230.222.000	5.039.856.890	115.515.000	2.890.306.590	2.005.706.300	28.329.000
1	Trường MN Tuấn Giáo	071	252.923.000		15.364.000	237.559.000		237.559.000		
2	Trường MN 20/7	071	124.837.000		7.121.000	117.716.000		117.716.000		
3	Trường MN Quài Cang	071	366.046.000		17.249.000	348.797.000		264.282.050	84.514.950	
4	Trường MN Quài Nưa	071	1.535.133.000		10.812.000	1.524.321.000		174.474.450	1.349.846.550	
5	Trường MN Sơn Ca	071	120.488.890		7.288.000	113.200.890		113.200.890		
6	Trường TH số 1 Tuấn Giáo	072	286.745.000		19.504.000	267.241.000		267.241.000		
7	Trường TH số 2 Tuấn Giáo	072	124.996.000		8.510.000	116.486.000		116.486.000		
8	Trường TH Quài Cang	072	262.634.000		17.595.000	245.039.000		245.039.000		
9	Trường TH số 2 Quài Cang	072	280.334.000		12.142.000	268.192.000		166.472.200	101.719.800	
10	Trường TH số 1 Quài Nưa	072	231.185.000		14.124.000	217.061.000		217.061.000		
11	Trường TH số 2 Quài Nưa	072	110.460.000		7.437.000	103.023.000		103.023.000		
12	Trường THCS Tuấn Giáo	073	338.889.000		20.282.000	318.607.000		318.607.000		
13	Trường THCS Quài Cang	073	454.872.000		19.175.000	435.697.000		303.265.000	132.432.000	
14	Trường THCS Quài Nưa	073	260.703.000		14.823.000	245.880.000		245.880.000		
15	Trung tâm Chính trị	083	1.097.000		1.097.000	0				
16	Trạm Y tế xã	132	122.624.000		7.109.000	115.515.000	115.515.000			
17	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	281	3.104.000		3.104.000	0				

Đơn vị: Đồng

Số TT	Đơn vị	Khoản	Tổng số kinh phí bổ sung đợt này	Trợ cấp tăng thêm của cán bộ xã nghỉ việc (nguồn 12)	Quỹ tiền thưởng (nguồn 18)	Tổng số bổ sung (nguồn 13)	Trong đó:			
							Quỹ tiền lương, phụ cấp	Nghị định 182/2026/NĐ-CP	Nghị định 76/2019/NĐ-CP (trợ cấp 1 lần)	Phụ cấp HĐND, khác
18	Văn phòng Đảng ủy	351	93.951.000	0	8.607.000	85.344.000	0	0	62.829.000	22.515.000
19	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	361	3.416.000		3.416.000	0				
20	Văn phòng HĐND và UBND		100.950.000	5.553.000	6.841.000	88.556.000	0	0	82.742.000	5.814.000
	- Quản lý nhà nước	341	95.397.000	0	6.841.000	88.556.000	0	0	82.742.000	5.814.000
	- Trợ cấp tăng thêm của cán bộ xã nghỉ việc	374	5.553.000	5.553.000		0				
21	Phòng Kinh tế	341	51.368.000		2.123.000	49.245.000			49.245.000	
22	Phòng Văn hóa - Xã hội	341	2.544.000		2.544.000	0				
23	Trung tâm Phục vụ hành chính công	341	144.617.000		2.240.000	142.377.000			142.377.000	
24	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	341	1.715.000		1.715.000	0				

* **Ghi chú:** Các nội dung sẽ bổ sung đợt tiếp theo sau khi được UBND tỉnh bổ sung kinh phí, gồm:

- Quỹ tiền lương, phụ cấp.
- Nghị định 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ.
- Nghị định 76/2019/NĐ-CP.